|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hội sở chính**  Số 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  ĐT: (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867  Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |

**PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VPBANK NEOBIZ PLUS[[1]](#footnote-1)**

*Đính kèm Giấy đề nghị …………………………………….…….……………….. do Khách hàng ký*

*ngày………./………./……… (“Giấy đề nghị”)*

*Phụ lục này cùng với Giấy đề nghị và Điều kiện giao dịch chung có thông tin như nêu tại Phụ lục này tạo thành một bản Hợp đồng mở và sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus hoàn chỉnh giữa VPBank và Khách hàng*

|  |
| --- |
| **I. PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG** |
| Chúng tôi đề nghị VPBank đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus (“Dịch vụ”) cho Chúng tôi với nội dung chi tiết như sau:  **Khách hàng vui lòng điền đầy đủ thông tin tại các mục có gắn dấu** (\*) |
| **1.** **Đăng ký Dịch vụ và tiện ích(\*)** |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Dịch vụ truy vấn | |  | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi[[2]](#footnote-2) | | | |  | Dịch vụ thẻ[[3]](#footnote-3) | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại (“TTTM”) | | | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu[[4]](#footnote-4) | |  | Dịch vụ lưu ký chứng khoán | | |  | Dịch vụ thanh toán Host-to-host4 | |  | Dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu | | |  | Tiện ích xử lý file từng phần[[5]](#footnote-5) | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung4 | | | Tài khoản thanh toán phí Dịch vụ**(\*)**: | |  | | |   Nếu Khách hàng đăng ký dịch vụ truy vấn thông tin tài khoản của Khách hàng mở tại Ngân hàng khác trong Dịch vụ truy vấn và/hoặc dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101) trong Dịch vụ thanh toán, Khách hàng vui lòng điền thông tin TKTT sử dụng dịch vụ này dưới đây:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thông tin Tài khoản thanh toán** | | **Thông tin Tài khoản thanh toán** | | | STK/IBAN(\*) |  | STK/IBAN(\*) |  | | Tên TK(\*) |  | Tên TK(\*) |  | | Ngân hàng(\*) |  | Ngân hàng(\*) |  | | Mã SWIFT(\*) |  | Mã SWIFT(\*) |  | | Mã CITAD(\*) |  | Mã CITAD(\*) |  | | Ngoại tệ(\*) |  | Ngoại tệ(\*) |  | |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*)** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có[[6]](#footnote-6) *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT[[7]](#footnote-7) đó)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank. |
| Đăng ký khác:   |  |  | | --- | --- | | **Dịch vụ** | **TKTT** | | Dịch vụ truy vấn |  | | Truy vấn số dư tài khoản |  | | In sổ phụ |  | | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi |  | | Chuyển tiền nội bộ |  | | Chuyển tiền trong nước |  | | Chuyển tiền quốc tế |  | | Chuyển tiền thanh toán hóa đơn |  | | Chuyển tiền thanh toán thuế |  | | Thanh toán lương |  | | Thanh toán theo lô |  | | Dịch vụ thanh toán Host-to-host |  | | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu |  | | Dịch vụ quản lý vốn tập trung |  | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có):** |
| **3. Đăng ký hạn mức giao dịch** |
| Áp dụng hạn mức giao dịch tối đa theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ cho tất cả TKTT, Thẻ và Người sử dụng Dịch vụ, trừ các trường hợp Khách hàng có đăng ký khác theo bảng dưới đây:  *Số tiền (triệu VND)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hạn mức** | **Dịch vụ** | **Số tiền** | **TKTT/Thẻ** | **Người dùng** | | Hạn mức ngày | Chuyển tiền giữa các TKTT của Khách hàng |  |  |  | | Chuyển tiền đến TKTT khác trong VPBank |  |  |  | | Chuyển tiền trong nước |  |  |  | | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng |  |  |  | | Chuyển tiền quốc tế |  |  |  | | Thanh toán thuế |  |  |  | | Thanh toán hóa đơn |  |  |  | | Thanh toán thẻ |  |  |  | | Thư tín dụng ( L/C) |  |  |  | | Bảo lãnh |  |  |  | | Hạn mức từng lần | Thư tín dụng ( L/C) |  |  |  | | Bảo lãnh |  |  |  | | Giao dịch đơn |  |  |  | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có):** |
| **4. Đăng ký Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ(\*)** |
| **4.1 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ:**  Đồng thời là Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán [[8]](#footnote-8) |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**: | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân[[9]](#footnote-9) **(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Ngày Cấp**(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp**(\*)**: |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Điện thoại di động**(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[10]](#footnote-10).***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[11]](#footnote-11):** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | Chức vụ: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế ( nếu có): | | | | | | | | | | | | | : | | | | | | | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[12]](#footnote-12): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú**(\*\*)**: | | | | | | | | |  | Cư trú | | | | | | | | | |  | | | Không Cư trú | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực[[13]](#footnote-13): | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp: | | |  | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn: | | | | | | | | | | |  | | | | |  | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài: | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam: | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến các Quốc tịch còn lại[[14]](#footnote-14)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | |  | | | | | | | | | | Số hộ chiếu: | | | | | | | | | s | | | | | | | | Ngày cấp: | | | | | | | | |  | | | Nơi cấp: | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực: | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch: | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng(\*): | | | | | | | |  | | | Truy vấn | | | | | | | | | | |  | | Lập lệnh | | | | | | | | | |  | | | Duyệt lệnh | | | | | | (Chỉ chọn 1 chức năng) | | | | | | | |  | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[15]](#footnote-15) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[16]](#footnote-16): | | | |  | | | | Xác thực khi đăng nhập: | | | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | Không sử dụng | | | | | | **Hình thức xác nhận giao dịch điện tử của Người Duyệt Lệnh (“Phương thức xác thực”)**: mặc định là Smart OTP hoặc chữ ký số hoặc các hình thức xác nhận giao dịch điện tử khác do Người duyệt lệnh đăng ký sử dụng trên Hệ thống VPBank NEOBiz Plus theo hướng dẫn của Hệ thống VPBank NEOBiz Plus từng thời kỳ. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**:  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung | | | |  |  | | Số dư | | |  |  | Chuyển tiền nội bộ | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu | | | |  |  | | Tiền gửi | | |  |  | Chuyển tiền trong nước | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host | | | |  |  | | In sổ phụ | | |  |  | Chuyển tiền quốc tế | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  khoán | | | |  |  | | Khoản vay | | |  |  | Điều tiền ngoài hệ thống ( MT101) | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu | | | |  | Dịch vụ Thẻ | | | | |  |  | Thanh toán hóa đơn | |  |  | Dịch vụ thu hộ | | |  |  | |  | | |  |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu | |  | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán lương | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán theo lô | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thuế | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thẻ tín dụng | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[17]](#footnote-17) | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây: | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Xác nhận: | |  | |  | Duyệt đơn: |  |  | Duyệt kép: | |  | | TKTT được quyền truy cập[[18]](#footnote-18): | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng. | | | | | | | | | | | | | |  |  | Khác: | |  | | | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[19]](#footnote-19) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.2 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân[[20]](#footnote-20) **(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Ngày Cấp**(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp**(\*)**: | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Điện thoại di động**(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[21]](#footnote-21).***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[22]](#footnote-22):** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | Chức vụ: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế ( nếu có): | | | | | | | | | | | | | : | | | | | | | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[23]](#footnote-23): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú**(\*\*)**: | | | | | | | | | |  | Cư trú | | | | | | | | | |  | | | Không Cư trú | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực[[24]](#footnote-24): | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp: | | | |  | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn: | | | | | | | | | |  | | |  | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến các Quốc tịch còn lại[[25]](#footnote-25)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | | |  | | | | | | | | | | Số hộ chiếu: | | | | | | | | | s | | | | | | | | Ngày cấp: | | | | | | | | |  | | | Nơi cấp: | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực: | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng(\*): | | | | | | | | |  | | | Truy vấn | | | | | | | | | | |  | | Lập lệnh | | | | | | | | | |  | | | Duyệt lệnh | | | | | | (Chỉ chọn 1 chức năng) | | | | | | | | |  | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[26]](#footnote-26) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[27]](#footnote-27): | | | |  | | | | Xác thực khi đăng nhập: | | | | | | | | | | | | | |  | Email OTP/SMS OTP | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | Không sử dụng | | | | | | **Hình thức xác nhận giao dịch điện tử của Người Duyệt Lệnh (“Phương thức xác thực”)**: mặc định là Smart OTP hoặc chữ ký số hoặc các hình thức xác nhận giao dịch điện tử khác do Người duyệt lệnh đăng ký sử dụng trên Hệ thống VPBank NEOBiz Plus theo hướng dẫn của Hệ thống VPBank NEOBiz Plus từng thời kỳ. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**:  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung | | | |  |  | | Số dư | | |  |  | Chuyển tiền nội bộ | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu | | | |  |  | | Tiền gửi | | |  |  | Chuyển tiền trong nước | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host | | | |  |  | | In sổ phụ | | |  |  | Chuyển tiền quốc tế | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  khoán | | | |  |  | | Khoản vay | | |  |  | Điều tiền ngoài hệ thống ( MT101) | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu | | | |  | Dịch vụ Thẻ | | | | |  |  | Thanh toán hóa đơn | |  |  | Dịch vụ thu hộ | | |  |  | |  | | |  |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu | |  | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán lương | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán theo lô | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thuế | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thẻ tín dụng | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[28]](#footnote-28) | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây: | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Xác nhận: | |  | |  | Duyệt đơn: |  |  | Duyệt kép: | |  | | TKTT được quyền truy cập[[29]](#footnote-29): | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng. | | | | | | | | | | | | | |  |  | Khác: | |  | | | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[30]](#footnote-30) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.3 Thông tin Người sử dụng Dịch vụ và phạm vi sử dụng Dịch vụ** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**: | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân[[31]](#footnote-31) **(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | Ngày Cấp**(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp**(\*)**: |  | | | | | | | | | | | | | | | | Có giá trị đến**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Điện thoại di động**(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | Địa chỉ Email**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[32]](#footnote-32).***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[33]](#footnote-33):** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh: | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp: | | | | |  | | | | | | | | | | | | Chức vụ: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | |  | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế ( nếu có): | | | | | | | | | | | | | : | | | | | | | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[34]](#footnote-34): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú**(\*\*)**: | | | | | | | | |  | Cư trú | | | | | | | | |  | | | Không Cư trú | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực[[35]](#footnote-35): | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nơi cấp: | | |  | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn: | | | | | | | | | |  | | | | |  | | |  | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến các Quốc tịch còn lại[[36]](#footnote-36)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | |  | | | | | | | | | | Số hộ chiếu: | | | | | | | | s | | | | | | | | Ngày cấp: | | | | | | | | |  | | | Nơi cấp: | |  | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực: | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch: | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chức năng(\*): | | | | | | | |  | | | Truy vấn | | | | | | | | | |  | | Lập lệnh | | | | | | | | | |  | | | Duyệt lệnh | | | | | | (Chỉ chọn 1 chức năng) | | | | | | | |  | | | Lập lệnh và duyệt lệnh [[37]](#footnote-37) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Thứ tự duyệt[[38]](#footnote-38): | | | |  | | | | Xác thực khi đăng nhập: | | | | | | | | | | | | |  | | Email OTP/SMS OTP | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | Không sử dụng | | | | | | **Hình thức xác nhận giao dịch điện tử của Người Duyệt Lệnh (“Phương thức xác thực”)**: mặc định là Smart OTP hoặc chữ ký số hoặc các hình thức xác nhận giao dịch điện tử khác do Người duyệt lệnh đăng ký sử dụng trên Hệ thống VPBank NEOBiz Plus theo hướng dẫn của Hệ thống VPBank NEOBiz Plus từng thời kỳ. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Dịch vụ và tiện ích được sử dụng **(\*)**:  Toàn bộ dịch vụ đã đăng ký tại Mục 1 – Phần I, Phụ lục này.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Trong trường hợp đăng ký khác, Khách hàng vui lòng lựa chọn:** | | | | | | | | | | | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ truy vấn | | | | |  | Toàn bộ dịch vụ thanh toán và tiền gửi | | |  | Dịch vụ quản lý vốn tập trung | | | |  |  | | Số dư | | |  |  | Chuyển tiền nội bộ | |  | Dịch vụ tài khoản nhiều  số hiệu | | | |  |  | | Tiền gửi | | |  |  | Chuyển tiền trong nước | |  | Dịch vụ thanh toán  Host-to-host | | | |  |  | | In sổ phụ | | |  |  | Chuyển tiền quốc tế | |  | Dịch vụ lưu ký chứng  khoán | | | |  |  | | Khoản vay | | |  |  | Điều tiền ngoài hệ thống ( MT101) | |  | Toàn bộ dịch vụ thu hộ và quản lý các khoản phải thu | | | |  | Dịch vụ Thẻ | | | | |  |  | Thanh toán hóa đơn | |  |  | Dịch vụ thu hộ | | |  |  | |  | | |  |  | Chuyển tiền VND cho người thụ hưởng không có TKTT tại Ngân hàng | |  |  | Dịch vụ Quản lý các khoản phải thu | |  | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán lương | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán theo lô | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thuế | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Khởi tạo/Tất toán Tiền gửi | |  |  | | | |  |  | |  | | |  |  | Thanh toán thẻ tín dụng | |  |  | | | |  | Dịch vụ tài trợ thương mại[[39]](#footnote-39) | | | | | | | | |  |  | | | |  | Trường hợp là Người dùng duyệt lệnh, Khách hàng vui lòng lựa chọn một trong các chức năng và hạn mức của Người dùng duyệt lệnh dưới đây: | | | | | | | | | | | | | | |  |  | | Xác nhận: | |  | |  | Duyệt đơn: |  |  | Duyệt kép: | |  | | TKTT được quyền truy cập[[40]](#footnote-40): | | | | | | | | | | | | | | | |  |  | Tất cả các TKTT hiện có của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các TKTT được mở sau này của Khách hàng. | | | | | | | | | | | | | |  |  | Khác: | |  | | | | | | | | | | |  | Đăng ký không xem số tiền cụ thể trên file thanh toán lương[[41]](#footnote-41) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có):** |
| **5. Đăng Ký Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus[[42]](#footnote-42):**  **5.1 Thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus:** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân [[43]](#footnote-43)**(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | | | Ngày cấp**(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | |  | | |  | | | Nơi cấp**(\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | Có giá trị đến**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | |  | | |  | | | Điện thoại di động**(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | | | Địa chỉ Email**(\*)**: | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[44]](#footnote-44).***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[45]](#footnote-45):** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch : | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[46]](#footnote-46): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú**(\*\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú**(\*\*)**: | | | | | | | | | | |  | Cư trú | | | | | |  | | | | Không Cư trú | | | | | | | | |  | | |  | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực[[47]](#footnote-47): | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | | |  | | |  | | | | | | | | Nơi cấp: |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch trở lên, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến các Quốc tịch còn lại[[48]](#footnote-48)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | | | |  | | | | | | | | | Số hộ chiếu: | | | | | | |  | | | | | | | | Ngày cấp: | | | | | | | | |  | | Nơi cấp: | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực : | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Xác thực khi đăng nhập: | | | | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP | | | | | | | | | | | |  | | | | | | Không sử dụng | | | | |
| **5.2 Thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus:** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Họ và tên**(\*)**: | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Giấy tờ tùy thân [[49]](#footnote-49)**(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | Ngày cấp**(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | | | |  | | |  | | | Nơi cấp**(\*)**: | | | | | | | |  | | | | | | | Có giá trị đến**(\*)**: | | | | | | | | | |  | | | | | | | |  | | |  | | | Điện thoại di động**(\*)**: | | | | | | | | |  | | | | | | Địa chỉ Email**(\*)**: | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | ***Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ[[50]](#footnote-50).***  **Nếu Người sử dụng dịch vụ chưa đăng ký/ cập nhật thông tin trong hồ sơ mở Tài khoản và sử dụng dịch vụ tại VPBank, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau[[51]](#footnote-51):** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày/tháng/năm sinh: | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nghề nghiệp: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | Chức vụ: | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch : | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[52]](#footnote-52): | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | Địa chỉ thường trú**(\*\*)**: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tình trạng cư trú**(\*\*)**: | | | | | | | | | | |  | Cư trú | | | | | |  | | | | Không Cư trú | | | | | | | | |  | | |  | | | | | | | | **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Số thị thực/Giấy tờ thay thế thị thực[[53]](#footnote-53): | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | | |  | | |  | | | | | | | | Nơi cấp: |  | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn: | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam: | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch trở lên, vui lòng bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến các Quốc tịch còn lại[[54]](#footnote-54)**: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Quốc tịch: | | | |  | | | | | | | | | Số hộ chiếu: | | | | | | |  | | | | | | | | Ngày cấp: | | | | | | | | |  | | Nơi cấp: | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày hết hạn hiệu lực : | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | Xác thực khi đăng nhập: | | | | | | | | | | | | | |  | | | Email OTP/SMS OTP | | | | | | | | | | | |  | | | | | | Không sử dụng | | | | |
| **6. Nguyên tắc phê duyệt giao dịch**  **6.1 Nguyên tắc phê duyệt cho các dịch vụ đăng ký tại Phụ lục này, ngoại trừ Dịch vụ TTTM** |
| * Mặc định nguyên tắc phê duyệt giao dịch tự động áp dụng cho các TKTT, Thẻ, Khoản tiền gửi được mở mới sau này của Khách hàng tại VPBank. * Thứ tự phê duyệt: (i) Trường hợp Khách hàng đăng ký thứ tự duyệt lệnh của từng Người sử dụng Dịch vụ: Giao dịch sẽ được duyệt theo thứ tự duyệt lệnh mà Khách hàng đã đăng ký; (ii) Trường hợp Khách hàng không đăng ký thứ tự duyệt lệnh của từng Người sử dụng Dịch vụ: Giao dịch sau khi được khởi tạo sẽ được hiển thị đến tất cả các Người sử dụng Dịch vụ có chức năng duyệt lệnh mà Khách hàng đăng ký để duyệt mà không phân biệt thứ tự duyệt. * Trường hợp Khách hàng có nhu cầu đăng ký các nguyên tắc phê duyệt khác, vui lòng điền chi tiết vào bảng dưới đây:   (Nguyên tắc phê duyệt khác này không áp dụng cho các TKTT mở mới của Khách hàng tại VPBank, Quý khách hàng vui lòng đăng ký nguyên tắc phê duyệt cho các TKTT mở mới tại thời điểm mở tài khoản)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Áp dụng cho** | | **Số lượng người duyệt** | **Số tiền ( triệu VND)** | | **Người dùng duyệt lệnh** | | **Dịch vụ** | **TKTT** | **Từ** | **Đến** | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |
| **Chú thích cho yêu cầu (nếu có):** |
| **6.2 Nguyên tắc phê duyệt áp dụng cho Dịch vụ TTTM:** |
| * Thứ tự phê duyệt: Giao dịch sẽ được thực hiện theo thứ tự bởi Người dùng có chức năng tương ứng như sau: (i) Trường hợp Khách hàng đăng ký luồng duyệt giao dịch không có xác nhận giao dịch: lập lệnh bởi Người dùng lập lệnh có chức năng khởi tạo giao dịch, duyệt lệnh bởi (các) Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng; **hoặc** (ii) Trường hợp Khách hàng đăng ký luồng duyệt giao dịch có xác nhận giao dịch: lập lệnh bởi Người dùng lập lệnh có chức năng khởi tạo giao dịch, xác nhận lệnh bởi Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận giao dịch, duyệt lệnh bởi (các) Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng. * Khách hàng có thể lựa chọn đăng ký phê duyệt giao dịch và số lượng Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch như sau: (i) Duyệt đơn: Lệnh giao dịch được phê duyệt bởi 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch để gửi tới ngân hàng; (ii) Duyệt kép: Lệnh giao dịch được phê duyệt bởi 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch với thẩm quyền ngang nhau để gửi tới ngân hàng. |
| **7. Ủy quyền sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus** |
| 7.1 Người ủy quyền: Chủ Tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán mà Khách hàng đã đăng  ký cho việc sử dụng Tài khoản thanh toán.  7.2 Người được ủy quyền: Là những Người sử dụng Dịch vụ được đăng ký và có thông tin tại Mục 4 – Phần I của Phụ lục này.  7.3 Nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền:   * 1. Người được ủy quyền được thực hiện các công việc cụ thể theo các chức năng đã đăng ký tại Mục 4 – Phần I của Phụ lục này phù hợp với hạn mức giao dịch, nguyên tắc phê duyệt giao dịch của Khách hàng tại Phụ lục này và các phụ lục đăng ký thay đổi (nếu có);   2. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được ủy quyền.   3. Việc hủy bỏ, thay thế ủy quyền sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus không làm chấm dứt trách nhiệm của Người được ủy quyền đối với các giao dịch do Người được ủy quyền đó đã thực hiện trên Hệ thống CMP.   4. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Khách hàng được VPBank chấp thuận tại **Phần II – Phần dành cho VPBank** của Giấy đề nghị, cho đến khi VPBank nhận được văn bản hủy bỏ/thay thế của Người ủy quyền và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận.   7.4 Người ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do Người được ủy quyền xác lập trên Hệ thống CMP trong phạm vi ủy quyền và xác nhận:   * 1. Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền.   2. Đồng ý với mọi nội dung ủy quyền tại Phụ lục này và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp nào đối với VPBank liên quan đến việc VPBank thực hiện các giao dịch trên Hệ thống CMP. |
| **8. Cam kết của Khách hàng** |
| Bằng việc ký vào Giấy đề nghị, Chúng tôi cam kết:  8.1 Chúng tôi đồng ý sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus do VPBank cung cấp trên Hệ thống CMP.  8.2 Trường hợp Chúng tôi đăng ký Dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101), bằng việc ký Giấy đề nghị, Chúng tôi đồng ý ủy quyền/ chỉ định cho VPBank gửi yêu cầu, lệnh chuyển tiền của Chúng tôi khởi tạo trên Hệ thống CMP tới Ngân hàng nơi mở các TKTT có thông tin như đăng ký tại Mục 1, Phần I của Phụ Lục này thông qua hệ thống SWIFT. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Chúng tôi được VPBank chấp thuận tại **Phần II – Phần dành cho VPBank** của Giấy đề nghị, cho đến khi VPBank nhận được văn bản đề nghị chấm dứt sử dụng Dịch vụ điều tiền ngoài hệ thống (MT101) và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận.  8.3 Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và được tư vấn giải thích đầy đủ nội dung của (i) Các điều khoản và điều kiện liên quan đến cung cấp và sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus (bao gồm điều khoản, điều kiện chung và điều khoản, điều kiện riêng, …) của Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng các dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng tổ chức tại VPBank, (ii) Điều kiện giao dịch chung về đăng ký và sử dụng phương thức xác thực VPBank Smart OTP(sau đây (i) và (ii) gọi chung là “**Điều kiện giao dịch chung**”) được VPBank công bố trên website chính thức của VPBank (http://www.vpbank.com.vn), (iii) Giấy đề nghị và Phụ lục này. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với các điều khoản, điều kiện này, bao gồm cả biểu phí dịch vụ của VPBank.  8.4 Các điều khoản và điều kiện tại Giấy đề nghị, Phụ lục này và Điều kiện giao dịch chung đã đảm bảo được sự bình đẳng giữa Chúng tôi và VPBank trong các giao dịch về sản phẩm, dịch vụ này. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị, Chủ tài khoản, Người đại diện hợp pháp, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (i) cam kết đồng ý/tuân thủ các điều khoản, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung, bao gồm cả điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất cứ bên nào và (ii) chấp nhận, cam kết tuân thủ điều kiện giao dịch chung liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến, bao gồm cả Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus áp dụng với Khách hàng tổ chức do VPBank công bố từng thời kỳ.  8.5 Chúng tôi đồng ý rằng: (i) bất kỳ phương thức xác thực nào do Người Duyệt Lệnh sử dụng để xác nhận, xác thực trên Hệ thống VPBank NEOBiz Plus đều để thể hiện sự chấp thuận của Chúng tôi đối với tất cả các thông điệp dữ liệu trong tất cả các giao dịch điện tử của Chúng tôi trên Hệ thống VPBank NEOBiz Plus, bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch thanh toán, chuyển tiền, các giao dịch sử dụng tài khoản, các giao dịch đăng ký sử dụng các dịch vụ của VPBank, các giao dịch bảo lãnh, phát hành Thư tín dụng, tiền gửi, giao dịch đăng ký sử dụng dịch vụ qua kết nối hệ thống của bên thứ ba, cung cấp/ nhận cung cấp thông tin của Chúng tôi và thông tin giao dịch của Chúng tôi, đăng ký nhận biến động số dư và các giao dịch điện tử khác; và (ii) Chúng tôi chịu trách nhiệm với bất kỳ Phương thức xác thực nào do Người Duyệt Lệnh lựa chọn đăng ký sử dụng để xác thực cho từng giao dịch.  8.6 Kể từ thời điểm được VPBank chấp thuận tại Phần dành cho VPBank, Chúng tôi đồng ý rằng thông tin giấy tờ tùy thân mới được VPBank đồng ý cập nhật theo Phụ lục này (nếu có) sẽ được sử dụng cho dịch vụ tài khoản, dịch vụ ngân hàng điện tử, thẻ (nếu có) và các dịch vụ khác của Chúng tôi tại VPBank.  8.7 Chúng tôi đảm bảo các thông tin cung cấp cho VPBank là đầy đủ và chính xác, đồng thời có nghĩa vụ cập nhật và thông báo cho VPBank những thay đổi về thông tin đã đăng ký trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thay đổi.  8.8 Chúng tôi xác nhận đã hiểu rõ rằng Hợp đồng sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus giữa Chúng tôi và VPBank được cấu thành bởi (i) Giấy đề nghị (đã có chấp thuận của VPBank), (ii) Phụ lục này và (iii) Điều kiện giao dịch chung.  8.9 Chúng tôi đồng ý rằng VPBank có thể chủ động thực hiện việc điều chỉnh, phát triển bổ sung, thay thế các sản phẩm, dịch vụ, tính năng được cung ứng trên Hệ thống CMP theo chính sách của VPBank từng thời kỳ. Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, điều kiện, thủ tục, … theo quy định của VPBank khi tham gia sử dụng các sản phẩm, dịch vụ này. |
| **II. PHẦN DÀNH CHO VPBANK** |
| VPBank chấp thuận đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus theo đề nghị nêu trên của Khách hàng.  Vào hồi: ……….h ………. ngày ………………………..………….  Mã Khách hàng: ……………………………………………………… |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU**

1. **TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG**

**1.** Áp dụng cho trường hợp KH đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus ngoài các nhu cầu theo …. có thêm các nhu cầu chi tiết liệt kê tại phần nội dung Phụ lục này.

**2.** Mẫu biểu này được sử dụng là Phụ lục của (i) Giấy đề nghị đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ; hoặc (ii) Giấy đề nghị đăng ký dịch vụ.

1. **HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO PHẦN NỘI DUNG**
2. **Phần tên của Phụ lục**: Đơn vị điền tên Giấy đề nghị tại Mục “*Đính kèm Giấy đề nghị……………………………….. do Khách hàng ký ngày………./………./………”* đầy đủ theo đúng loại Giấy đề nghị mà Phụ lục đính kèm.
3. **Mục 1**: **Hướng dẫn** **Đăng ký dịch vụ và tiện ích**

a) Khách hàng tích chọn các dịch vụ, tiện ích tương ứng theo nhu cầu sử dụng. Dịch vụ truy vấn mặc định đi kèm với Dịch vụ Tài trợ thương mại. Nếu KH cần đăng ký thêm nhiều TKTT hơn số lượng bảng hiện có trong mẫu biểu, copy thêm ô Thông tin TKTT.

b) Tại bảng đăng ký thông tin TKTT cho dịch vụ truy vấn số dư và giao dịch trên TKTT mở tại Ngân hàng khác, nếu TKTT của Khách hàng được mở tại Ngân hàng ở các nước thuộc Châu Âu và UAE, Khách hàng cần bắt buộc cung cấp số IBAN

Ví dụ số IBAN có dạng như sau:

* Anh: GB33BUKB20201555555555 (22 ký tự)
* UAE: AE460090000000123456789 (23 ký tự)

1. **Mục 2**: **Hướng dẫn** **Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*)**
2. **Nếu áp dụng cho tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này và không có đăng ký khác thì tích chọn như sau:**

|  |
| --- |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”), Thẻ, Khoản tiền gửi (“KTG”), Khoản vay (“KV”)** **sử dụng Dịch vụ (\*)** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có5 *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT6 đó)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank. |

1. **Nếu Khách hàng đang có nhiều TKTT và Khách hàng có lựa chọn dịch vụ cho một/một số hoặc tất cả TKTT đó, đồng thời vẫn tự động liên kết với TKTT Khách hàng mở mới sau này thì tích chọn như sau *(ví dụ: TKTT hiện hữu là 12345678A, 12345678B và 234567890, trong đó 12345678A áp dụng cho tất cả các Dịch vụ, còn 12345678B và 234567890 chỉ áp dụng cho Dịch vụ truy vấn):***

|  |
| --- |
| **2. Đăng ký tài khoản thanh toán (“TKTT”)/ Thẻ sử dụng Dịch vụ (\*)** |
| Áp dụng đối với tất cả các TKTT, Thẻ, KTG, KV hiện có 5 *(trừ các TKTT nêu tại bảng dưới đây sẽ theo Dịch vụ đăng ký tương ứng – nếu Khách hàng có đăng ký khác cho từng TKTT đó6)* và tự động liên kết các TKTT, Thẻ, KTG, KV được mở mới sau này của Chúng tôi tại VPBank. |
| Đăng ký khác:   |  |  | | --- | --- | | **Dịch vụ** | **TKTT** | | Dịch vụ truy vấn |  | | Truy vấn số dư tài khoản | 12345,67890, | | In sổ phụ |  | | Dịch vụ thanh toán và tiền gửi |  | | Chuyển tiền nội bộ |  | | Chuyển tiền trong nước |  | | Chuyển tiền quốc tế |  | | Chuyển tiền thanh toán hóa đơn |  | | Chuyển tiền thanh toán thuế |  | | Thanh toán lương |  | | Thanh toán theo lô |  | | Dịch vụ thanh toán Host-to-host |  | | Dịch vụ tài khoản nhiều số hiệu |  | | Dịch vụ quản lý vốn tập trung |  | |

1. **Mục 3**: **Hướng dẫn đăng ký hạn mức giao dịch**
2. Áp dụng hạn mức giao dịch tối đa theo quy định của VPBank cho tất cả các TKTT và Người sử dụng dịch vụ trừ các trường hợp Khách hàng có đăng ký khác.
3. Nếu Khách hàng có đăng ký khác thì tùy vào nhu cầu của Khách hàng để hướng dẫn như sau:

* Nếu Khách hàng không có nhu cầu cài đặt cụ thể theo từng TKTT hoặc Người sử dụng Dịch vụ cụ thể, Khách hàng chỉ cần điền số tiền cần đăng ký hạn mức giao dịch theo ngày/lần vào cột số tiền tương ứng với dịch vụ cần đăng ký.

Ví dụ:

* Nếu có nhu cầu cài đặt cụ thể theo TKTT hoặc Người sử dụng Dịch vụ, Khách hàng cần điền số tiền đăng ký hạn mức sử dụng theo ngày/lần vào cột số tiền, và điền số TKTT/Người sử dụng Dịch vụ tương ứng với dịch vụ cần đăng ký. Trường hợp muốn đăng ký cho nhiều TKTT/Người sử dụng Dịch vụ, ngăn cách bằng dấu “ , “.

Ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạn mức** | **Dịch vụ** | **Số tiền**  **( triệu VND)** | **TKTT** | **Người dùng** |
| Hạn mức ngày | Chuyển tiền giữa các TKTT của Khách hàng | 1000 | 1234567,  5678901 |  |
| Chuyển tiền đến TKTT khác trong VPBank | 500 |  | NGUYEN THINH VUONG 1,  NGUYEN THINH VUONG 2 |
| Chuyển tiền trong nước | 200 |  |  |
| Chuyển tiền quốc tế |  |  |  |
| Thanh toán thuế |  |  |  |
| Thanh toán hóa đơn |  |  |  |
| Thanh toán thẻ |  |  |  |
| Đề nghị phát hành L/C |  |  |  |
| Đề nghị phát hành bảo lãnh |  |  |  |
| Hạn mức từng lần | Đề nghị phát hành L/C |  |  |  |
| Đề nghị phát hành bảo lãnh |  |  |  |
| Giao dịch đơn |  |  |  |

Lưu ý: Thông tin đăng ký TKTT và dịch vụ tại đây phải tương ứng với Mục 2.

1. **Mục 4**: **Hướng dẫn đăng ký thông tin Người sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz Plus:**
2. Trường hợp Đăng ký Người sử dụng dịch vụ đồng thời là Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Khách hàng tích chọn vào ô tương ứng và điền thông tin vào Mục 4.1.
3. Hướng dẫn đăng ký thông tin của từng Người sử dụng dịch vụ:

* Ngoại trừ Dịch vụ truy vấn, đối với các dịch vụ khác mà KH đăng ký tại Phụ lục này thì Khách hàng cần đăng ký đảm bảo các giao dịch khi thực hiện trên Hệ thống phải bao gồm tối thiểu một Người sử dụng Dịch vụ có chức năng lập lệnh, một Người sử dụng Dịch vụ có chức năng duyệt lệnh và là những người khác nhau, không được trùng thông tin.
* Đối với Khách hàng được pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank: giải thích cho KH rằng KH có thể đăng ký 01 Người sử dụng Dịch vụ có chức năng Lập lệnh và duyệt lệnh và phải là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản.

1. Liên quan đến đăng ký chức năng của Người sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz Plus, lưu ý hướng dẫn Khách hàng:

* Trường hợp Khách hàng được đăng ký 1 người sử dụng Dịch vụ có chức năng Lập lệnh và duyệt lệnh: Giao dịch được khởi tạo bởi Người sử dụng Dịch vụ sẽ được gửi đến Ngân hàng ngay sau khi khởi tạo thành công.
* Trường hợp chỉ đăng ký 1 Người duyệt lệnh thì Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán hoặc người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền sẽ thực hiện chức năng lập lệnh và người dùng duyệt lệnh phải là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản.
* Trường hợp Khách hàng đăng ký từ 2 người duyệt lệnh trở lên và duyệt theo thứ tự cần điền rõ thứ tự duyệt của từng Người sử dụng Dịch vụ có chức năng Duyệt lệnh.

Ví dụ: Khách hàng có 2 người duyệt lệnh NGUYEN VAN A và NGUYEN VAN B, giao dịch cần được duyệt bởi người duyệt NGUYEN VAN A trước, sau đó mới được duyệt bởi người duyệt NGUYEN VAN B, Khách hàng cần điền thứ tự duyệt cho NGUYEN VAN A là 1, thứ tự duyệt cho NGUYEN VAN B là 2.

* Hướng dẫn Khách hàng đăng ký chức năng của Người dùng áp dụng cho dịch vụ tài trợ thương mại tương ứng với nhu cầu Nguyên tắc phê duyệt của Khách hàng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Luồng duyệt** | **Đăng ký** |
| Lập lệnh 🡪 Duyệt đơn/ duyệt kép | - Không đăng ký Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận  - Đăng ký 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt đơn.  - Đăng ký 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt kép. |
| Lập lệnh 🡪 Xác nhận 🡪 Duyệt đơn/ duyệt kép | - Đăng ký tối thiểu 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng xác nhận  - Đăng ký 1 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt đơn.  - Đăng ký 2 Người dùng duyệt lệnh có chức năng phê duyệt giao dịch đối với duyệt kép. |

Hạn mức phê duyệt: Sau khi tích chọn theo hướng dẫn trên, Khách hàng điền hạn mức phê duyệt vào phần “…”, nếu có.

1. Trường hợp phát sinh đăng ký thêm Thông Tin Người sử dụng Dịch vụ, Đơn vị soạn thảo thực hiện bổ sung thêm nội dung giống Mục 4.1 và đánh số thứ tự từ nhỏ đến lớn phù hợp với số lượng Người sử dụng Dịch vụ Khách hàng đăng ký.

**6. Mục 5**: **Hướng dẫn đăng ký Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus**

- Khách hàng phải đăng ký tối thiểu 2 (hai) Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus để sử dụng các tính năng được thực hiện bằng hai bước nhập và duyệt bởi các Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus khác nhau trước khi yêu cầu được gửi tới cho VPBank.

- Quản trị viên VPBank NEOBiz Plus được thực hiện các tính năng theo chính sách của VPBank triển khai trong từng thời kỳ.

**7. Mục 6**: **Hướng dẫn đăng ký nguyên tắc phê duyệt (không áp dụng cho Dịch vụ tài trợ thương mại)**

Trường hợp Khách hàng có nhu cầu đăng ký ma trận phê duyệt riêng cho dịch vụ, tài khoản,theo khoảng số tiền , Người Dùng Khách hàng điền thông tin vào bảng đăng ký ma trận phê duyệt.

Ví dụ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho** | | **Số lượng người duyệt** | **Số tiền ( triệu VND)** | | **Người Dùng duyệt lệnh** |
| **Dịch vụ** | **Tài khoản/Thẻ** | **Từ** | **Đến** |
| Chuyển tiền quốc tế | 66668888 | **2** | 1 | Không giới hạn |  |

Hoặc

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho** | | **Số lượng người duyệt** | **Số tiền ( triệu VND)** | | **Người Dùng duyệt lệnh** |
| **Dịch vụ** | **Tài khoản/Thẻ** | **Từ** | **Đến** |
| Chuyển tiền quốc tế | 66668888 | **1** | 1 | 199 |  |
| Chuyển tiền quốc tế | 66668888 | **2** | 200 | Không giới hạn |  |

Hoặc đăng ký nguyên tắc phê duyệt theo khoảng số tiền:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho** | | **Số lượng người duyệt** | **Số tiền ( triệu VND)** | | **Người Dùng duyệt lệnh** |
| **Dịch vụ** | **Tài khoản/Thẻ** | **Từ** | **Đến** |
|  |  | **1** | 1 | 499 |  |
|  |  | **2** | 500 | Không giới hạn |  |

Hoặc đăng ký nguyên tắc phê duyệt theo khoảng số tiền và Người Dùng duyệt lệnh:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Áp dụng cho** | | **Số lượng người duyệt** | **Số tiền ( triệu VND)** | | **Người Dùng duyệt lệnh** |
| **Dịch vụ** | **Tài khoản/Thẻ** | **Từ** | **Đến** |
| Chuyển tiền | 123456 | **1** | 1 | 499 | NGUYEN THINH VUONG 1 (thứ tự duyệt lệnh 1) hoặc NGUYEN THINH VUONG 2 (thứ tự duyệt lệnh 1) |
| Chuyển tiền |  | **2** | 500 | Không giới hạn | NGUYEN THINH VUONG 3 (thứ tự duyệt lệnh 1) 🡪 NGUYEN THINH VUONG 4 (thứ tự duyệt lệnh 2) |

Lưu ý: Thông tin đăng ký TKTT và dịch vụ tại đây phải tương ứng với Mục 2

**8.** Các nội dung khác nếu chưa rõ: Đơn vị liên hệ với Phòng số hóa KHDN – Khối FMTB để được hướng dẫn chi tiết.

**III. CHỈNH SỬA MẪU BIỂU**

Hạn chế sửa đổi, thêm, bớt nội dung tại Phụ lục này. Trường hợp xét thấy cần chỉnh sửa hoặc Khách hàng yêu cầu chỉnh sửa, Đơn vị thực hiện chỉnh sửa và phê duyệt theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

1. Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus là phiên bản nâng cấp của Dịch vụ VPBank NEOBiz được VPBank cung cấp trên Hệ thống CMP. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khách hàng chỉ được sử dụng dịch vụ Chuyển tiền quốc tế nếu đáp ứng các điều kiện sử dụng dịch vụ Chuyển tiền quốc tế trên internet banking. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khách hàng chỉ được sử dụng dịch vụ nếu có thẻ ghi nợ và/hoặc thẻ tín dụng mở tại VPBank. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khách hàng chỉ được sử dụng các dịch vụ này nếu đã ký các hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ tương ứng với VPBank. [↑](#footnote-ref-4)
5. Áp dụng cho thanh toán theo lô, thanh toán lương: Khi trong file chứa cả các giao dịch hợp lệ và không hợp lệ, cho phép tiếp tục xử lý các giao dịch hợp lệ mà không bị dừng toàn bộ file. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bao gồm các TKTT, Thẻ mở theo hoặc được liệt kê tại Giấy đề nghị. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trường hợp này Khách hàng vui lòng tích chọn cả 2. [↑](#footnote-ref-7)
8. Trường hợp đăng ký Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán là Người sử dụng Dịch vụ VPBank NEOBiz Plus, Khách hàng đăng ký tại Mục 4.1 này và tích chọn tại đây; đồng thời đảm bảo khớp đúng với thông tin Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán tại hồ sơ mở, sử dụng TKTT. [↑](#footnote-ref-8)
9. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

   Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/CC điện tử. Việc sử dụng Căn cứơc điện tử/ Định danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn truyền thông của VPBank từng thời kỳ.

   Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước

   Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

   Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-9)
10. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank. [↑](#footnote-ref-10)
11. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank. [↑](#footnote-ref-11)
12. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-12)
13. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật. [↑](#footnote-ref-13)
14. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại. [↑](#footnote-ref-14)
15. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. [↑](#footnote-ref-15)
16. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. [↑](#footnote-ref-16)
17. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép. [↑](#footnote-ref-17)
18. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I. [↑](#footnote-ref-18)
19. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###. [↑](#footnote-ref-19)
20. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/CC điện tử. Việc sử dụng Căn cứơc điện tử/ Định danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn truyền thông của VPBank từng thời kỳ.

    Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước

    Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-20)
21. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank. [↑](#footnote-ref-21)
22. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank. [↑](#footnote-ref-22)
23. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-23)
24. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật. [↑](#footnote-ref-24)
25. Trường hợp cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn tương ứng với từng quốc tịch và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch đó. [↑](#footnote-ref-25)
26. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. [↑](#footnote-ref-26)
27. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. [↑](#footnote-ref-27)
28. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép. [↑](#footnote-ref-28)
29. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I. [↑](#footnote-ref-29)
30. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###. [↑](#footnote-ref-30)
31. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/CC điện tử. Việc sử dụng Căn cứơc điện tử/ Định danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn truyền thông của VPBank từng thời kỳ.

    Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước

    Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-31)
32. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank. [↑](#footnote-ref-32)
33. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank. [↑](#footnote-ref-33)
34. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-34)
35. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật. [↑](#footnote-ref-35)
36. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại. [↑](#footnote-ref-36)
37. Chỉ áp dụng với Khách hàng được Pháp luật cho phép áp dụng chế độ kế toán đơn giản và phù hợp với quy định của VPBank, Người sử dụng Dịch vụ là đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản. [↑](#footnote-ref-37)
38. Khách hàng điền thứ tự duyệt trường hợp KH muốn đăng ký duyệt theo thứ tự. [↑](#footnote-ref-38)
39. Đối với Dịch vụ tài trợ thương mại bao gồm: (i) Bảo lãnh online, (ii) L/C online yêu cầu bắt buộc Chữ ký số là phương thức xác thực giao dịch áp dụng cho Người dùng duyệt lệnh có chức năng Duyệt đơn, Duyệt kép. [↑](#footnote-ref-39)
40. Lưu ý phải phù hợp với đăng ký tại Mục 2 - Phần I. [↑](#footnote-ref-40)
41. Sau khi tải file thanh toán lương, số tiền được hiển thị trên màn hình của người sử dụng Dịch vụ dưới dạng ###. [↑](#footnote-ref-41)
42. Khách hàng đăng ký tối thiểu 02(hai) Người dùng Quản trị viên trên VPBank NEOBiz Plus. [↑](#footnote-ref-42)
43. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/CC điện tử. Việc sử dụng Căn cứơc điện tử/ Định danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn truyền thông của VPBank từng thời kỳ.

    Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước

    Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-43)
44. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank. [↑](#footnote-ref-44)
45. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank. [↑](#footnote-ref-45)
46. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-46)
47. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-47)
48. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại. [↑](#footnote-ref-48)
49. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau:

    Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/CC điện tử. Việc sử dụng Căn cứơc điện tử/ Định danh sẽ thực hiện theo hướng dẫn truyền thông của VPBank từng thời kỳ.

    Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước

    Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử

    Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế [↑](#footnote-ref-49)
50. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank. [↑](#footnote-ref-50)
51. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank. [↑](#footnote-ref-51)
52. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-52)
53. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật [↑](#footnote-ref-53)
54. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại. [↑](#footnote-ref-54)